Chi tiết mã HS 2922

Mã HS	2922
Mô tả hàng hóa	Hợp chất amino chức oxy
Đơn vị	
Thời điểm tạo	27/10/2026 18:42:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/2922/

23 dòng thuế thuộc 2922

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2922.11.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Monoetanolamin và muối của nó	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.12.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Dietanolamin và muối của nó	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.14.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Dextropropoxyphene (INN) và muối của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.15.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Triethanolamine	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.16.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Diethanolammonium perfluorooctane sulphonate	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.17.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Methyldiethanolamine và ethyldiethanolamine	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.18.00	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - 2-(N,N-Diisopropylamino)ethanol	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.19.10	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác: / - - - Ethambutol và muối của nó, este và các dẫn xuất khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2922.19.20	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác: / - - - Rượu n-butyl D-2-Amino (D-2-Amino-n-Butyl-alcohol)	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.19.90	Hợp chất amino chức oxy / - Rượu - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.21.00	Hợp chất amino chức oxy / - Amino-naphthols và amino-phenols khác, trừ loại chứa hai chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Axit aminohydroxynaphthalensulphonic và muối của chúng	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.29.00	Hợp chất amino chức oxy / - Amino-naphthols và amino-phenols khác, trừ loại chứa hai chức oxy trở lên, ete và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.31.00	Hợp chất amino chức oxy / - Amino - aldehyt, amino-xeton và amino-quinon, trừ loại chứa hai chức oxy trở lên; muối của chúng: / - - Amfepramone (INN), methadone (INN) và normethadone (INN); muối của chúng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.39.00	Hợp chất amino chức oxy / - Amino - aldehyt, amino-xeton và amino-quinon, trừ loại chứa hai chức oxy trở lên; muối của chúng: / - - Loại khác	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.41.00	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Lysin và este của nó; muối của chúng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.42.10	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Axit glutamic và muối của nó: / - - - Axit glutamic	kg/lít	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.42.20	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Axit glutamic và muối của nó: / - - - Muối natri của axit glutamic (MSG)	kg/lít	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.42.90	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Axit glutamic và muối của nó: / - - - Muối khác	kg/lít	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.43.00	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Axit anthranilic và muối của nó	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.44.00	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Tilidine (INN) và muối của nó	kg/lít	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.49.00	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.50.10	Hợp chất amino chức oxy / - Phenol-rượu-amino, phenol-axit-amino và các hợp chất amino khác có chức oxy: / - - p-Aminosalicylic axit và muối, este và các dẫn xuất khác của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2922.50.90	Hợp chất amino chức oxy / - Phenol-rượu-amino, phenol-axit-amino và các hợp chất amino khác có chức oxy: / - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.